

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07-11-2019
Vv: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và về cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.
2. Bà Nguyễn Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 15/2019/QĐ-TA ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh X, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số xx đường L, khu phố y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Lê Thành H, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số xx đường L, khu phố y, phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Minh X trình bày:

Ông Nguyễn Minh X và bà Lê Thành H kết hôn vào năm 2012, Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2012, quyền số 01/2012 do UBND phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 06/12/2012. Quá trình chung sống do không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm ý kiến, bà H không tôn trọng ông X dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung trong khi đó ông X lại có tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được. Hôn nhân không đạt được mục đích, vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, không thể kéo dài thêm được nữa nên ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/3/2015, ông X đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, bắt đầu từ tháng 12/2019 cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Lê Thành H trình bày:

Bà H thống nhất với lời trình bày của ông X về việc kết hôn và con chung là đúng. Theo bà H nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông X có mối quan hệ với người phụ nữ khác, sau khi phát hiện bà H vẫn làm vợ và có ý nhắc khéo để níu kéo hạnh phúc nhưng Xuyen không dừng lại mà ngày càng tiến tới làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chưa đồng ý ly hôn vì cho rằng ông X chưa ly hôn với bà H mà đã sống chung với người phụ nữ khác và chưa giải quyết về tài sản nên không chấp nhận theo yêu cầu của ông X.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/3/2015, hiện đang ở với bà H. Trường hợp phải ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi bổ sung gì thêm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bà H và căn cứ vào các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân gia đình giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông X phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông X xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng đối với bà H, được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông X và bà H tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn được UBND phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2012, quyển số 01/2012 ngày 06/12/2012 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông X về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng đối với bà H, thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông X và bà H thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo ông X nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà H không tôn trọng ông X, do chán nản nên có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Bà H thì cho rằng nguyên nhân chính là do ông X có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc vợ con thời gian đầu bà H cố gắng níu kéo nhưng về sau thì bỏ mặc. Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự giải quyết mâu thuẫn nhưng không giải quyết được ông X nhất quyết xin ly hôn, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông X chưa ly hôn với bà H mà đã sống chung với người phụ nữ khác và chưa giải quyết về tài sản nên không chấp nhận theo yêu cầu của ông X. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng là có thật nhưng không giải quyết được cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông X là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/3/2015, hiện đang ở với bà H. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông X đồng giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và bà H cũng yêu cầu được

trực tiếp nuôi con nên giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của ông X về việc cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Ông X là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh X về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng*” đối với bà Lê Thành H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh X được ly hôn với bà Lê Thành H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/3/2015 cho bà Lê Thành H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông Nguyễn Minh X cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Minh X phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng phải nộp 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0000671 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, ông Nguyễn Minh X phải nộp thêm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND phường Phước Hưng.
- Lưu hồ sơ vụ án...

Võ Hoàng Đức